**TUẦN 7**

**Ngày thực hiện: Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**Toán: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiết 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học

**\* Dạy HS khuyết tật:** **- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  **\* Khởi động**  **\* Ôn luyện**  - GV gọi 2 HS lên bảng thực hiện phép tính  1 + 3 = ? 2 + 2 = ?  - GV nhận xét  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  *+ Quan sát* bức tranh trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”.  - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý đế HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.  **\* Hoạt động 2:**  **1.** GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:  - GV *nói:* Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn;  - Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn.  - Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng  3 + 1.  **2.** HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. 4 + 2 = 6.  - GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói : *Có... Có... có tất cả...*  **3.** Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.  - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả.  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**  - GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở.  - GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.  **4. Hoạt động** **vận dụng**  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - GV nhận xét tiết học | Ổn định - hát  - 2HS làm  - HS nhận xét  + Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.  - HS theo dõi  *- Quan sát* hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38.  - HS nói: 3 + 1 = 4.  - HS thực hiện  - HS gài phép tính và kết quả vào thanh cài  - HS đố nhau  - Một số nhóm chia sẻ  - HS theo dõi  - HS làm bài  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  - Lắng nghe, trả lời | **\* Dạy HS khuyết tật:** **- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.** |

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

**……………………………………………………………………………………**

**=======================**

**Ngày thực hiện: Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**Tiếng việt: ua, ưa**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết các âm và chữ **ua, ưa;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ua, ưa.**
* Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **ua,** âm **ưa.**
* Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (1).
* Viết trên bảng con các chữ, tiếng: **ua, ưa, cua, ngựa.**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  **Khởi động**  Ổn định – Hát  **Ôn luyện**  - Yêu cầu HS đọc bài *Chó xù*  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  - Âm và chữ **ua, ưa.**  - GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm mẫu chữ  **ua, ưa.**  **Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá**  1. Dạy âm **ua** và chữ **ua**  -Gv giới thiệu hình con cua  -Yêu cầu HS phân tích, đánh vần  2. Dạy âm **ưa** và chữ **ưa:**  - Gv giới thiệu hình con ngựa  -Yêu cầu HS phân tích, đánh vần  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**   * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **ua?** Tiếng nào cỏ âm **ưa?)** * Thực hiện như các bài trước. Cuối cùng, GV chỉ từng chữ in đậm, HS đồng thanh: Tiếng **dưa** (đỏ) có âm **ưa.** Tiếng **rùa** có âm **ua...** * HS nói thêm 3 4 tiếng ngoài bài có âm **ua** (đùa, múa, lụa, lúa,...); có âm **ưa** (cưa, chứa, hứa, nứa, vựa,...).   \* Củng cố: HS nói 2 chữ mới học: **ua, ưa;** 2 tiếng mới học: **cua, ngựa. GV** chỉ mô hình tiếng **cua, ngựa,** HS đánh vần, đọc trơn.  HS tìm **ua, ưa** trong bộ chữ, cài lên bảng, báo cáo kết quả.  **\* Hoạt động: Tập đọc** (BT 3)  - GV giới thiệu bài Thỏ thua rùa (1): Các em có biết rùa là con vật thế nào, thỏ là con vật thế nào không?  - GV: Thế mà khi thi chạy, thỏ lại thua rùa. Vì sao vậy? Các em hãy cùng nghe câu chuyện.  \* GV đọc mẫu.  \* Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **thua rùa, bờ hồ, đùa, thi đi bộ, chả sợ, thi thì thi, phi như gió.**  \* Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. (Đọc liền 2 câu (Rùa chả sợ:“Thi thì thi! ”);  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn)  \* Thi đọc đoạn, bài  - Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu).  - Các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh.  \*Tìm hiểu bài đọc  - GV chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc. / HS nối ghép các từ ngữ trong VBT.  - 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS nối ghép các cụm từ trên bảng lớp: a-2) Thỏ rủ rùa thi đi bộ. b-1) Rùa chả sợ thi. / Cả lớp đọc lại kết quả.  - GV: Qua bài đọc, em biết gì về tính tình thỏ?  - GV: Chính vì thỏ chủ quan, kiêu ngạo mà kết thúc cuộc thi, người thắng không phải là thỏ. Các em sẽ biết kết thúc của câu chuyện khi đọc đoạn 2.  **Tập viết**  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học.  - GV vừa viết mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  ua: là chữ ghép từ hai chữ u và a, đều cao 2 li.  ưa: chỉ khác ua ở nét râu trên ư.  Cua: viết c trước, ua sau. Chú ý nét nối giữa c và ua.  Ngựa: viết ng trước, ưa sau; dấu nặng đặt dưới ư.  - HS viết: ua, ưa (2 lần). / Viết: cua, ngựa.  **4. Hoạt động** **vận dụng**  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  - Dặn về nhà làm BT  - Tập viết trên bảng con | 2 HS đọc bài Tập đọc *Chó xù* (bài 30).  -HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - HS, nhìn hình, nói: Con cua. / Nhận biết chữ **cua: c, ua;** đọc: **cua. /** Phân tích tiếng **cua:** gồm có âm **c,** âm **ua. /** Đánh vần và đọc tiếng: **cờ - ua – cua / cua.**  - HS nhận biết: **ng, ưa,** dấu nặng; đọc: **ngựa. /** Phân tích tiếng **ngựa.** / Đánh vần và đọc tiếng: **ngờ - ưa – ngưa – nặng – ngựa / ngựa.**  -HS thực hiện  -HS đọc  -Rùa bò rất chậm. Thỏ phi rất nhanh.  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ   * HS đếm: 9 câu. * Hs thực hiện   - Hs đọc(cá nhân, từng cặp).  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện   * Thỏ rất xem thường rùa, chủ quan, kiêu ngạo cho là mình có tài chạy nhanh.   - HS đọc các chữ, tiếng vừa học.ua,ưa.  - Hs viết bài |  |

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

……………………………………………………………………………………

======================

**Ngày thực hiện: Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**Tập viết: u, ư, ua, ưa**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Tô đúng, viết đúng các chữ **u, ư, ua, ưa** và các tiếng **tủ, sư tử, cua, ngựa** ở bài 30, 31 - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Các chữ mẫu *u, ư, ua, ưa* đặt trong khung chữ.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  **Khởi động**  Ổn định – Hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ **u, ư, ua, ưa** các tiếng **tủ, sư tử, cua, ngựa**  **Hoạt động 2: Khám phá**  Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng: *u, tủ, ư, sư tử, ua, cua, ưa, ngựa.*   1. Tập tô, tập viết: *u, tủ, ư, sư tử*   - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Chữ *u:* cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược.  + Tiếng tủ: viết *t* trước, *u* sau, dấu hỏi đặt trên *u.*  + Chữ ư: giống chữ u nhưng có thêm nét râu. Cách viết: viết xong chữ u, từ điểm dừng, lia bút lên phía trên ĐK 3 một chút (gần đầu nét 3) viết nét râu, dừng bút khi chạm vào nét 3.  + Từ sư tử, viết s trước, ư sau. Sau đó viết t, ư. dấu hỏi đặt trên ư.  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  - Yêu cầu HS tập tô, tập viết: u, tủ, ư, sư tử trong vở Luyện viết 1, tập một.  Tập tô, tập viết: ua, cua, ưa, ngựa (như mục b)  - GV hướng dẫn: .  + ua: là chữ ghép từ hai chữ u và a, đều cao 2 li.  + cua: viết c trước, ua sau.  + ưa: là chữ ghép từ hai chừ ư và a.  + ngựa: viết ng, ưa, dấu nặng đặt dưới ư.  - Yêu cầu HS tập tô, tập viết: ua, cua, ưa, ngựa, hoàn thành phần Luyện tập thêm.  **4. Hoạt động** **vận dụng**  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | - Hs đọc bài  1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; *u, tủ, ư, sư tử* nói cách viết, độ cao các con chữ .  - Hs lắng nghe, theo dõi  -HS tập tô, tập viết: *u, tủ, ư, sư tử* trong vở *Luyện viết 1,* tập một  - Hs lắng nghe  HS tập tô, tập viết: *ua, cua, ưa*  *ngựa,* hoàn thành phần *Luyện tập thêm*  -HS lắng nghe |  |

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

……………………………………………………………………………………

====================

**Ngày thực hiện: Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**Kể chuyện: *DÊ CON NGHE LỜI MẸ***

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi đàn dê con thông minh, ngoan ngoãn, biết nghe lời mẹ nên không mắc lừa con sói gian ác.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Tranh minh hoạ truyện kể trong SGK (phóng to).
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |  |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  **Khởi động**  Ổn định – Hát  **Ôn luyện**  -GV đưa lên bảng 4 tranh minh hoạ truyện *Kiến và bồ câu*  *-* GV nhận xét  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **\* Hoạt động 1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện**  **1.Quan sát và phỏng đoán:**  - GV chỉ tranh minh hoạ: Dê mẹ có một đàn con đông đúc. Các em hãy xem tranh, đoán nội dung câu chuyện.  **2.Giới thiệu chuyện:** Bầy dê con trong câu chuyện *Dê con nghe lời mẹ* rất ngoan. Chúng luôn ghi nhớ lời mẹ dặn. Nhờ nghe lời mẹ, bầy dê đã tránh được tai hoạ. Các em hãy lắng nghe để biết sự việc đã diễn ra thể nào.  **\* Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập.**  1.**Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện với giọng diễn cảm.  **2.Trả lời câu hỏi theo tranh**  - Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: *Trước khi đi, dê mẹ dặn các con điều gì?*  - GV chì tranh 2: *sói làm gì khi dê mẹ vừa ra khỏi nhà?*  - GV chí tranh 3: *Vì sao bầy dê con không mở cửa, đồng thanh đuổi sói đi?*  - GV: Bầy dê rất khôn ngoan. Nhớ lời mẹ dặn, chúng rất cảnh giác, đề phòng sói. Chúng để ý giọng hát khàn khàn của sói, quan sát chân sói đen sì dưới khe cửa.  - GV chỉ tranh 4: *Thấy vậy, sói làm gì?*  - GV chỉ tranh *5: Dê mẹ về nhà khen các con thế nào?*  - Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của thầy / cô theo 2 hoặc 3 tranh.  - 1 HS trả lời cả 5 câu hỏi theo 5 tranh.  - GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **\* Kể chuyện theo tranh**  - Mỗi HS chỉ 2 hoặc 3 tranh, tự kể chuyện.  - HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 5 tranh.  - GV cùng HS bình chọn bạn bạn kể chuyện to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.  **\* Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  - GV: Câu chuyện khuyên các em phải khôn ngoan, có tinh thần cảnh giác, biết nghe lời mẹ như bầy dê con mới không mắc lừa kẻ xấu.  - Cả lớp bình chọn những bạn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.  **4. Hoạt động** **vận dụng**  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Chú thỏ thông minh | -HS 1 kể chuyện theo tranh. HS 2 nói lời khuyên của truyện.  - Hs theo dõi, quan sát.  -HS đoán: Dê mẹ dặn dò con trước khi ra khỏi nhà. Sói muốn đàn dê mở cửa nhưng dê không mở.....  - Hs lắng nghe  -Dê mẹ dặn các con phải đề phòng lão sói. Lão sói nói giọng khàn, chân đen sì. Khi nào về, mẹ sẽ gõ cửa và hát bài hát làm hiệu, các con hãy mở cửa.  - Sói đứng rình ngoài cửa nghe hết lời dặn của dê mẹ. Đợi dê mẹ đi rồi, lão rón rén đến, vừa gõ cửa, vừa giả giọng dê mẹ hát bài hát mà lão vừa nghe lỏm.  - Vì bầy dê con nhận ra giọng sói khàn khàn, không trong trẻo như giọng mẹ. Chúng còn thấy một cái chân đen sì dưới khe cửa.  - Hs thực hiện   * HS tham gia bình chọn cùng HS   - Hs thực hiện  - HS tham gia bình chọn cùng GV  - Phải nhớ lời mẹ dặn. / Phải luôn đề phòng kẻ xấu. / Phải khôn ngoan, thông minh, không mắc lừa kẻ xấu. |  |

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

……………………………………………………………………………………

=====================

**Ngày thực hiện: Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**Hoạt động trải nghiệm:** **EM LÀ NGƯỜI LỊCH SỰ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

- Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân thể hiện cách ứng xử phù hợp, lịch sự khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

**\* Dạy HS khuyết tật:**

**II. CHUẨN BỊ:**

- Tranh, ảnh về những hành động, việc làm thể hiện sự lịch sự.

- Đồ dùng, trang phục để HS đóng vai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  Ổn định – Hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về thế nào là người lịch sự.  **\* Hoạt động 2:Trò chơi “Làm người lịch sự”**.  \* Cách tiến hành :  - GV phổ biến luật chơi: Cô sẽ nói các lời yêu cầu, đề nghị HS làm theo, nếu trong lời nói có từ “Mời”ở trước thì các em làm theo, nếu trong lời nói không có từ “Mời”ở trước thì các em không làm theo.  - GV cho HS chơi trò chơi một vài lần.  \*GV kết luận:  - Trong cuộc sống hàng ngày, lời nói rất quan trọng. Khi chúng ta nói lời hay, lịch sự thì người khác sẽ luôn muốn nghe và làm theo  **Hoạt động 3: Quan sát tranh và liên hệ với những lời nói, "để thể hiện phép lịch sự”.**  Bước 1. Tổ chức cho HS quan sát tranh:  - GV chia nhóm và cho HS làm việc nhóm.  - GV cho HS quan sát tranh trong SGK và nhận xét, đánh giá về lời  nói, hành động của mọi người trong tranh.  Bước 2. Làm việc cặp đôi:  - GV cho HS trả lời theo các câu hỏi:  + Khi người khác ứng xử lịch sự với bạn, bạn cảm thấy như thế nào?  + Bạn đã làm gì để thể hiện lịch sự với bạn bè và mọi người xung quanh?  - GV nhận xét và rút ra kết luận.  *\* Kết luận:* Khi gặp người quen, các em nên chào hỏi lễ phép; khi muốn đề nghị hoặc yêu cầu người khác giúp đỡ, chúng ta nên nói năng nhẹ nhàng, thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện và lịch sự  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Đóng vai**  *Tình huống 2:* Giờ ra chơi, do mải chạy nên Nam va phải một bạn gái, làm bạn này bị ngã. Nếu em là Nam, em sẽ nói gì với bạn gái?  -GV nhận xét  **4. Hoạt động** **vận dụng**  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của em về bài học. | - HS trả lời câu hỏi : Em học được gì thông qua trò chơi này?  HS quan sát tranh trong SGK và nhận xét  - GV cho các nhóm lên trình bày kết quả làm việc của nhóm  - HS đóng vai theo tình huống |  |

1. **NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH** …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**========================================**

**Ngày thực hiện: Chiều Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**Tiếng việt: Ôn tập**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Đọc đúng, hiểu ý nghĩa của bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (2).

Chép đúng 1 câu văn trong bài.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Các thẻ từ ghi số TT, 3 câu của BT đọc hiểu.
* *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  **Khởi động**  Ổn định – Hát  **Ôn luyện**  - Mời 1 HS đọc bài *Thỏ thua rùa* (1) để kết nối với *Thỏ thua rùa* (2).  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  Hôm nay các em sẽ học bài *Ôn tập* để củng cố lại tất cả các âm và chữ đã học.  **Hoạt động 2:**  1. BT 1 (Tập đọc)  a) GV giới thiệu: Bài Thỏ thua rùa (2) sẽ cho các em biết: Vì sao thỏ tự kiêu cho mình có tài phi nhanh như bay lại thua rùa chậm chạp.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **sẽ thua, la cà, nhá dưa, lơ mơ ngủ, tự nhủ, giữa trưa.**  GV giải nghĩa: la cà (đi chỗ này chỗ kia, không có mục đích rõ ràng).  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 6 câu. (GV đánh số TT cho từng câu).  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp). Đọc liền 2 câu: Rùa tự nhủ: - “Ta sẽ cố”.  - HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn).  e) Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn: 2/4 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  g) Tìm hiểu bài đọc (Sắp xếp các ý...)  - GV nêu YC; chỉ từng câu cho cả lớp đọc. / HS làm bài trong VBT (đánh số TT trước mồi câu văn).  - 1 HS viết số TT lên 3 thẻ trên bảng. GV chốt đáp án. / Cả lớp đọc kết quả theo TT  (1¬2-3): (1) Thỏ rủ rùa thi đi bộ. (2) Thở la cà, rùa cố bò. (3) Thỏ thua rùa.  - GV: Vì sao thỏ thua rùa?  - GV: Vì sao rùa thắng thỏ?  - GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?  - GV: Câu chuyện là lời khuyên: Chớ chủ quan, kiêu ngạo. Nếu chủ quan, kiêu ngạo thì - phi nhanh như thỏ” cũng có thể thua rùa trong cuộc thi chạy. Nếu biết mình yếu và gắng sức thì - chậm như rùa” cũng có thể lập kì tích thắng thỏ.  2. BT 2 (Tập chép)  - GV viết lên bảng câu văn cần tập chép; chỉ từng chữ cho HS đọc to, rõ.  - HS nhìn mẫu chữ trên bảng hoặc VBT, chép lại câu văn.  - HS viết xong, soát lại bài; đổi bài với bạn để sữa lỗi cho nhau.  **4. Hoạt động** **vận dụng**  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà kể với người thân bài học mà em hiểu ra sau khi đọc truyện Thỏ thua rùa. | Mời 1 HS đọc bài *Thỏ thua rùa*  - Hs lắng nghe  - Hs luyện đọc:**sẽ thua, la cà, nhá dưa, lơ mơ ngủ, tự nhủ, giữa trưa.**  -HS lắng nghe  - Hs luyện đọc  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện  - Vì thỏ chủ quan, nghĩ là rùa sẽ thua nên la cà.  Vì rùa hết sức cố gắng.  -Thỏ chủ quan nên đã thua rùa  - Hs đọc bài  - Hs thực hiện |  |

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

……………………………………………………………………………………

======================

**Ngày thực hiện: Chiều Thứ hai ngày 17- 10- 2022**

**SINH HOẠT LỚP**

**THỰC HIỆN NÓI LỜI HAY Ý ĐẸP**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu biết và hiểu cách thể hiện lời hay ý đẹp trước các bạn.

- Vui vẻ, tự tin trong giao tiếp với mọi người.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HĐBT** |
|  | **1.Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 6**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  +Đi học chuyên cần:  + Tác phong , đồng phục .  + Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập  + Vệ sinh.  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  \* Nhắc nhở:  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 7***  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  - Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Thực hiện nói lời hay ý đẹp.***  a. Học sinh tự đánh giá việc thực hiện nói lời hay ý đẹp.  - GV cho HS làm việc theo nhóm.  - GV hướng dẫn HS thực hiện chia sẻ theo tổ, nhóm với các nội dung:  + Các em đã thực hiện nói lời hay ý đẹp như thế nào trong học tập và sinh hoạt hằng ngày ở trường?  + Các em đã thực hiện nói lời hay ý đẹp như thế nào trong học tập và sinh hoạt hằng ngày ở nhà?  + Nêu cảm xúc của mình sau khi thực hiện nói lời hay ý đẹp  - Y/C các nhóm thảo luận  - Y/C từng nhóm lần lượt cử đại diện lên thực hiện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm.  b. GV thực hiện  - Đánh giá chung kết quả thực hiện nói lời hay ý đẹp của học sinh trong lớp; biểu dương khen thưởng các em thực hiện tốt.  - Nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện nói lời hay ý đẹp trong học tập và đời sống hằng ngày. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Các nhóm lên trao đổi, giới thiệu  - HS làm việc theo nhóm 4.  - HS theo dõi, lắng nghe cô hướng dẫn.  - Các nhóm làm việc thảo luận các nội dung, đưa ra các lời hay trong mỗi tình huống.  - Mỗi nhóm cử đại diện lên thực hiện nói lời hay ý đẹp trong hoàn cảnh cụ thể do GV đề xuất.  - HS lắng nghe |  |

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

…………………………………………………

**Ngày thực hiện: Thứ ba ngày 18- 10- 2022**

**Toán**: **PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  \* Ôn luyện  - GV gọi 2 HS nêu kết quả phép tính  3 + 3 = ? 3 + 2 = ?  - GV nhận xét  2. Hoạt động cơ bản  \* Giới thiệu bài  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 2  - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).  - GV chốt lại cách làm bài.  Bài 3  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = 5.  4. Hoạt động vận dụng  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Gv nhận xét tiết học | - Ổn định - hát  - 2HS nêu  - HS nhận xét  - Lắng nghe  - HS nêu kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. - Chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  - HS thực hiện  -HS nêu |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày thực hiện: Thứ ba ngày 18- 10- 2022**

**Tiếng Vi**ệt**: v - y (2** tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ cái v, y; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có v, y.

- Nối đúng từ ngữ (có âm v, âm y) với hình.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Dì Tư.*

- Viết đúng trên bảng con các chữ và tiếng: v, y, ve, y (tá).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Phiếu khổ to viết nội dung BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1**  **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - 1 HS đọc bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (2) (bài 33).  - 1 HS nói ý nghĩa của câu chuyện  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  **-** Âm và chữ cái **v** (vờ), âm và chữ cái **y.**  - GV chỉ từng chữ, phát âm, HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - GV giới thiệu chữ **V, Y** in hoa.  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  **a) Âm v, chữ v:**  - Gv giới thiệu hình con ve**.**  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng **ve**  **b) Âm y, chữ y:**  - Gv giới thiệu hình cô y tá**.**  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng **tá**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học: **v, y;** 2 tiếng mới: **ve, y tá.** Đánh vần, đọc trơn. HS gắn lên bảng cài: **v, y.**  **3. Hoạt động luyện tập**  **a) Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình)  - GV nêu yêu cầu BT  - Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ. / HS nối từ ngữ với hình trong VBT.  - GV chỉ hình, cả lớp nhắc lại.  - Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài  **b) Tập đọc** (BT 3)  - GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc kể về dì Tư của bạn Hà. Các em nghe bài để biết về dì Tư: Dì làm nghề gì, dì đến nhà Hà, chỉ cho Hà làm gì?  - GV đọc mẫu.  - HD HS luyện đọc từ ngữ: **dì Tư, y tá, trưa qua, y tế xã, khi về, ghé, vẽ lá, vẽ ve.**  **TIẾT 2**  \* Luyện đọc câu  - Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho).  - (Đọc vỡ từng câu): GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc 1.  \* Đọc tiếp nối từng câu  \* Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn - mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  \* Tìm hiểu bài đọc  - GV gắn lên bảng nội dung BT; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc.  - HS làm bài, báo cáo kết quả.  - GV ghi lại kết quả nối ghép  - Yêu cầu Cả lớp đọc: a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ. b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.  **c) Tập viết** (bảng con)  \* HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học  \* GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Chữ v: cao 2 li; viết 1 nét móc hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn nhỏ.  - Chữ y: cao 5 li (2 li trên ĐK 1, 3 li dưới ĐK 1); viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét khuyết ngược.  - Tiếng **ve:** viết chữ **v** trước, chữ **e** sau, chú ý nối nét giữa **v** và **e.**  - Từ **y tá:** viết **y** trước, **tá** sau.  \* HS viết: **V, y** (2 lần). Sau đó viết: **ve, y** (tá).  \* Báo cáo kết quả: HS giơ bảng  - GV cùng HS nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS  - Tập viết chữ trên bảng con | - Ổn định - hát  - Hs đọc bài  - Nêu ý nghĩa câu chuyện.  - Hs nhắc lại bài(cá nhân, cả lớp)  - HS nói: Con ve. / Nhận biết: **v, e;** đọc: **ve. /** Phân tích tiếng **ve.** / Đánh vần và đọc tiếng: **vờ - e - ve/ ve.**  - HS nói: **y tá.** Tiếng **y** có âm **y.** / Đánh vần và đọc từ: **y / tờ -a - ta - sắc - tá / y**  - Hs thực hiện  - 1 HS nói kết quả: 1) ví, 2) vẽ,...  - Cả lớp nhắc lại.  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có âm v (vé, vai, vải, voi, vui,...); có âm **y** (ý nghĩ, chú ý, cố ý, ý chí,...).  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ ngữ  - HS đếm: 6 câu  - Hs đọc.  - Hs đọc  - HS thi đọc  - HS đọc  a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ.  b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học: **v, y, ve, y tá**  - Hs theo dõi, quan sát  - HS viết ở bảng con  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày thực hiện: Chiều Thứ ba ngày 18- 10- 2022**

- **HÁT: MỜI BẠN VUI MÚA CA**

**- ĐỌC NHẠC**

**- TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ: VẬN ĐỘNG THEO TIẾNG ĐÀN**

**I. Mục tiêu :**

- Hát đúng cao độ, trường độ bài hát.

- Biết hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm, vận động đơn giản hoặc chơi trò chơi.

**II. Chuẩn bị :**

- GV : Nhạc cụ đàn,song loan,trống con….

Tranh ảnh và nhạc nền

- HS: Sách học,thanh phách.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **3’**  **1’**  **12’**  **9’**  **4’**  **3’**  **3’** | **\* Hoạt động 1: Khởi động**  **-** GV gọiHS lên trình bày bài hát *Lí cây xanh.*  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Hoạt động 2 :** **Giới thiệu bài**  - Hát: *Mời bạn vui múa ca.*  - Đọc nhạc.  - Trải nghiệm và khám phá: Vận động theo tiếng đàn.  \* **Hoạt động 3: Học hát: Bài Mời bạn vui múa ca.**  - GV hát mẫu .  - GV cho HS khởi động giọng.  - GV cho HS đọc lời ca.  + GV đọc mẫu bài hát lời bài hát  + GV hướng dẫn cho học sinh đọc từ 1 đến 2 lần.  **\*** Dạy hát:  *+ Câu 1: Chim ca líu lo,hoa như đón chào.*  - GV đàn và hát mẫu câu 1  - GV đàn và yêu cầu HS hát từ 1 đến 2 lần  *+ Câu 2 :Bầu trời xanh, nước long lanh.*  - GV đàn và hát mẫu câu 2 từ 1 đến 2 lần  - GV đàn và yêu cầu  *+ Ghép câu 1và câu 2*  - GV đàn và hát mẫu câu 1 và câu 2  - GV đàn và yêu cầu từ 1 đến 2 lần  - GV nhận xét, sửa sai ( nếu có)  *+ Câu 3 : La la lá la,là là la là*.  + *Câu 4 : Mời bạn cùng vui múa vui ca.*  *+ Ghép cả bài :*  - GV đàn và trình hát toàn bộ bài hát  - GV đàn và yêu cầu HS hát theo nhiều hình thức : cá nhân, nhóm, tổ, đồng thanh.  **\*H oạt động 4: Hát kết hợp vỗ tay theo nhịp:**  - GV làm mẫu :  *Chim ca líu lo,hoa như đón chào.*  x x x x  *Bầu trời xanh, nước long lanh*  X x x x  *La la lá la, là là la là*  x x x x  *Mời bạn cùng vui múa vui ca*  **x x x x**  ***-*** GV yêu cầu : Cho cả lớp vỗ tay theo nhịp giai điệu của bài hát theo các hình thức : cá nhân và cả nhóm  - Cho một nhóm lên bảng hát kết hợp gõ một số nhạc cụ theo nhịp: trống con,trống reo,thanh phách và song loan  - GV tuyên dương và nhận xét khuyến khích .  - Một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác tham gia nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét, động viên khích lệ  - Gv cho cả lớp hát kết hợp vỗ tay nhịp nhàng  - Gv nhắc HS hát đúng sắc thái của bài hát.  **\* Hoạt động 5: Đọc nhạc**  - GV dùng nhạc cụ lấy cao độ chuẩn, hướng dẫn HS ôn lại độ cao và ôn lại kía hiệu bàn tay của hai nốt Mi –Son  - GV hướng dẫn HS luyện đọc nhạc các mẫu âm, kết hợp với kí hiệu bàn  - GV yêu cầu HS quan sát kí hiệu bàn tay khi làm mẫu, đọc nối tiếp các mẫu âm như đọc một bài nhạc  - GV cùng với cả lớp thực hiện kí hiệu bằng tay hai nốt Mi- Son.  - GV cho một học sinh lên làm cho các bạn cùng đọc nốt .  - GV luyện tập theo nhóm bằng hình tức: Cá nhân và cả nhóm.  - Đại diện nhóm lên trình bày, cả lớp quan sát  - GV nhận xét và tuyên dương.  - GV cho HS chơi cũng cố: một số HS xung phong làm kí hiệu bàn tay theo ý thích của mình cho hai nốt Mi và son  **\* Hoạt động 6 :Trải nghiệm và khám phá: Vận động theo tiếng đàn.**  **Âm thanh**  A picture containing drawingDescription automatically generated  - Im lặng  - Âm thanh rất cao  - Âm thanh trung bình  - Âm thanh rất thấp  - GV đàn với tốc độ nhanh dần  - GV cho học sinh thực hiện vận động theo tiếng đàn.  **\* Hoạt động nối tiếp:**  **-** GV chốt lại mục tiêu của bài học.  - Khen ngợi các em có ý thức hát và chơi gõ tiết tấu thro cặp chính xác, đặc biệt là những HS có tinh thần xung phong. | - HS thực hiện  - HS nghe  - HS nghe  - HS nghe  - HS nghe  - HS nghe  - HS khởi động giọng  - HS tập đọc lời ca  - HS hát  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS quan sát  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS tham gia chơi  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**===================================**

**Ngày thực hiện:Chiều Thứ ba ngày 18- 10- 2022**

**TNXH LỚP HỌC CỦA EM (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẨN ĐẠT**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học.

- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ.

- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học, các thành viên và hoạt động trong lớp học.

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học, hoạt động ở lớp học.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng học tập trong lớp

**\* Dạy HS khuyết tật:** **- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các hình trong SGK . - VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .

- Phiếu tự đánh giá cá nhân .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 3.** **Giữ gìn lớp học sạch, đẹp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |  |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định: GV cho HS nghe và hát theo lời bài hát : Lớp chúng mình  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  **\* Hoạt động 2: Thảo luận về lớp học sạch đẹp**  ***\* Cách tiến hành***  *Bước 1: Làm việc cá nhân*  - GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 32 trong SGK, trả lời các câu hỏi:  + Nêu những điểm khác nhau của lớp học trong hai hình.  + Em thích lớp học của em như thế nào?  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu lần lượt mối HS trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - GV có thể gợi ý để HS nói  - GV cùng HS nhận xét  **3. Hoạt động luyện tập vận dụng**  **\* Xác định những việc có thể làm để lớp học sạch, đẹ**p  \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc cá nhân*  - Yêu cầu HS liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch, đẹp .  - Liên hệ xem trong nhóm các bạn đã thực hiện những việc đó như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu một số HS báo cáo kết quả trước lớp .  - GV nhận xét  *Bước 3 : Làm việc cá nhân*  - Yêu cầu làm câu 4 của Bài 4 ( VBT ).  - GV hướng HS đến thông điệp cả bài : “ Lớp học như là nhà. Cô giáo như mẹ hiền. Bạn bè như là anh em ”  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng học tập trong lớp. | - HS hát theo  - HS làm việc cá nhân  - HS lần lượt nêu  - Lần lượt HS trình bày  - HS nhận xét bạn  + Lớp học ở hình lộn xộn, bừa bộn, chưa sạch sẽ.  + Lớp học ở hình 2 gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.  + Em thích lớp học của em như lớp học ở hình 2.  - HS liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch, đẹp .  - HS báo cáo kết quả  - Các HS còn lại sẻ bổ sung và nhận xét phần trình bày của các bạn. Sắp xếp đồ dùng gọn gàng, ngăn nắp, lau chùi bàn, ghế, bảng đen; quét lớp; trang trí lớp,...  - HS làm vào vở BT  - Lắng nghe  - Lắng nghe | **\* Dạy HS khuyết tật:** **- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 19/10/2022**

Tiếng việt: Chữ hoa (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết chữ in hoa trong câu; bước đầu làm quen với chữ viết hoa.

- Nhận ra và đọc được các chữ in hoa trong câu ứng dụng; ghi nhớ quy tắc viết hoa chữ đầu bài, đầu câu, tên riêng.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chia quà.* Tìm được trong bài chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, chữ hoa ghi tên riêng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng nhỏ viết 2 điều cần ghi nhớ về quy tắc viết hoa.

- Bảng chữ thường - chữ hoa phóng to (nếu có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **Tiết 1**  **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - GV kiểm tra 2 HS viết, đọc các chữ: ve, y tá.  - Gv nhận xét  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  **-** Kết thúc bài 34, các em đã học xong các âm và chữ tiếng Việt. Bài *Chữ hoa* sẽ giúp các em làm quen với chữ hoa (chữ in hoa và chữ viết hoa), nắm được quy tắc viết hoa.  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Tìm chữ hoa trong câu)  - GV viết lên bảng câu “Dì Tư là y tá.”, cả lớp đọc. GV giải thích: Đây là 1 câu văn, cuối câu có dấu chấm.  - GV nêu YC: Phát hiện những chữ được viết hoa trong câu.  - GV: Vì sao chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa?  - GV: Vì sao chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa?  - GV mời 3 - 4 HS nói tên mình, đầy đủ họ, tên;  \* Nhắc HS: Khi viết tên riêng của mình, của mọi người, các em cần viết hoa. Viết hoa tên riêng, viết hoa cả họ và tên đệm. Không viết hoa tên riêng là viết sai chính tả.  **\* Ghi nhớ** (BT2):  - GV gắn lên bảng quy tắc viết hoa; đọc quy tắc cho HS nhắc lại.  - Dặn HS ghi nhớ 2 quy tắc vừa học để viết hoa đúng chính tả.  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Tập đọc** (BT 3)  a) GV đưa lên bảng lớp hình minh hoạ bài *Chia quà;* giới thiệu: Trong hình là gia đình Hà: có bà, có ba má, có Hà và bé Lê. Má đang chia quà cho cả nhà. Bài Tập đọc sẽ cho các em biết má của Hà chia quà thế nào? Quà dành cho má là thứ quà đặc biệt quý. Đó là quà gì? Bài đọc cũng giúp các em luyện tập, củng cố những điều vừa học về quy tắc viết hoa.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **chia quà, thị xã, cả nhà, mía, sữa, quà quý.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ từng câu: GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân).  đ) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 2 câu); thi đọc cả bài.  e) Tìm hiểu bài đọc  - GV: Đi thị xã về, má chia quà cho cả nhà. Má không chia quà cho má vì má đã có quà quý. Quà quý đó là gì?  - GV: Hai đứa con là quà quý của má. Con cái luôn là món quà quý giá nhất của cha mẹ.  **Tiết 2**  **\* Hoạt động 2: Tìm trong bài đọc những chữ hoa** (BT 4)  - Cho cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả viết hoa.  - GV nêu yêu cầu bài. Yêu cầu HS đọc bài trong SGK, tìm chữ hoa bắt đầu từ tên bài.  - 8 HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả (mỗi em nói 1 câu):  **-** Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu  - Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa ghi tên riêng trong bài  **\* Hoạt động 3: Giới thiệu bảng chữ in thường - in hoa, viết thường - viết hoa**  - GV giới thiệu *Bảng chữ thường, chữ hoa*; giới thiệu các kiểu chữ (in thường - in hoa, viết thường - viết hoa); giải thích: chữ viết là chữ viết bằng tay.  - GV chỉ từng chữ in thường, in hoa. Cả lớp đọc.  - GV chỉ từng chữ viết thường, viết hoa. Cả lớp đọc.  - GV chỉ câu *Dì Tư là y tá,* hỏi đó là kiểu chữ gì?  - GV chỉ từng chữ trên *Bảng chữ thường, chữ hoa,* cả lớp phát hiện đó là chữ in hay chữ thường, chữ viết hoa hay chữ viết thường.  - GV: Chữ hoa nào gần giống chữ thường nhưng kích thước lớn hơn?  - GV: Chữ hoa nào không giống chữ thường và kích thước lớn hơn?  - GV kết luận  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - 1 HS nhắc lại quy tắc viết hoa.  - GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà đọc lại bài Tập đọc cho nguôi thân nghe; quan sát kĩ bảng mẫu chừ hoa trong trường tiểu học (in trong vở Luyện viết 1, tập một). | - Ổn định - hát  - 2 Hs thực hiện  - Hs lắng nghe  - Hs chú ý theo dõi  - Hs đọc:Dì Tư là y tá  - Chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa, chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa.  - Vì **Dì** đứng đầu câu. HS nhắc lại.  - Vì **Tư** là tên riêng của dì.  - Hs nói tên mình  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại.  - Hs đọc quy tắc  - Hs lắng nghe  - Hs luyện đọc  - HS đếm: 8 câu  - Hs luyện đọc  - Hs thi đọc bài  - Quà quý đó là bé Lê và Hà.  - Hs nhắc lại quy tắc  - HS làm việc và báo cáo kết quả.  - HS nói:  + HS 1: Tên bài viết hoa vì đó là chữ đầu của tên bài. / Câu 1 viết hoa chữ **M** trong tiếng **Má** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 2: Câu 2 viết hoa chữ **M** trong tiếng **Má** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 3: Câu 3 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Bà** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 4: Câu 4 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Ba** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 5:Câu 5viết hoa chữ **H** trong tiếng **Hà** vì **Hà** đứng đầu câu. cũng là tên riêng.  + HS 6:Câu 6viết hoa chữ **B** trong tiếng **Bé** vì nó đứng đầu câu; viết hoachữ **L** trong tiếng **Lê** vì là tên riêng  + HS 7: Câu 7 viết hoa chữ **Ơ** vì **Ơ** là chữ đầu câu.  + HS 8: Câu 8 viết hoa **À** vì **À** là chữ đầu câu; viết hoa chữ **L** trong tiếng **Lê,** chữ **H** trong tiếng **Hà** vì đó là các tên riêng.  - HS lắng nghe  - HS đọc  **- D** trong **Dì, T** trong **Tư** là chữ in hoa, các chữ khác là chữ in thường.  - HS thực hiện    - Đó là chữ **in hoa -** gần giống chữ **in thường** nhưng kích thước chữ **in hoa** lớn hơn.  - Đó là chữ **viết hoa -** không giống chữ **viết thường** và kích thước chữ **viết hoa** lớn hơn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 19/10/2022**

**TẬP VIẾT v, y**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tô, viết đúng các chữ **v, y,** các tiếng **ve, y tá, chia quà -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Các chữ mẫu *v, y* đặt trong khung chữ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Giới thiệu bài**  **-** GV nêu mục tiêu của bài học.  **3. Hoạt động luyện tập**  a) Yêu cầu HS đọc các chữ, tiếng cần luyện viết.  b) Tập tô, tập viết: *v, ve, y, y tá.*  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ v: cao 2 li; viết 1 nét móc hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn nhỏ. Cách viết: đặt bút ở khoảng giữa ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc hai đầu, cuối nét kéo dài tới gần ĐK 3 thì lượn trái, tới ĐK 3 thì nối với một nét thắt, tạo thành vòng xoắn ở cuối nét, dừng bút gần ĐK 3.  + Tiếng *ve:* viết chữ v trước, chữ *e* sau.  + Chữ y: cao 5 li; viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược phải, 1 nét khuyết ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 (trên), viết nét hất, đến ĐK 3 (trên) thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, chuyển hướng bút viết nét móc ngược phải. Từ điểm dừng của nét 2, rê bút thẳng lên ĐK 3 (trên) rồi chuyển hướng ngược lại, viết nét khuyết ngược (kéo dài xuống đường kẻ 4 phía dưới), dừng bút ở ĐK 2 (trên).  + Từ y *tá,* viết tiếng *y* trước, tiếng *tá* sau, dấu sắc đặt trên *a.*  - Yêu cầu HS tập tô, viết: *v, ve, y, y tá* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  c) Tập tô, tập viết: *ch, qu, chia quà* (như mục b):  - GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn:  + Chữ *ch,* ghép từ hai chữ *c* và *h.*  + Chữ *qu.* ghép từ hai chữ *q* và *u.*  + Tiếng *chia,* viết *ch* trước, *ia* sau. / Tiếng *quà,* viết *qu* trước, *a* sau, dấu huyền đặt trên *a.*  - Yêu cầu HS tập tô, viết: *ch, qu, chia quà.*  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học  - Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết | - Ổn định - hát  - HS lắng nghe  **-** Đọc**: v, y,** các tiếng **ve, y tá, chia quà.**  - Hs theo dõi, quan sát.  - Hs tô, viết vào vở  - Hs tô, viết vào vở  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 19/10/2022**

**Đạo đức: HỌC TẬP, SINH HOẠT ĐÚNG GIỜ (Tiết 3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

- Nêu được một số biếu hiện của học tập và sinh hoạt đúng giờ.

- Biết bày tỏ thái độ tán thành hoặc không tán thành với các hành vi đúng giờ hoặc không đúng giờ.

- Thực hiện được các hành vi học tập và sinh hoạt đúng giờ.

**II. Đồ dùng dạy học**:

+ Giáo viên: Máy tính, ti vi, SGK điện tử

+ Học sinh: Sách giáo khoa, VBT

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Nêu 1 số câu hỏi liên quan đến bài học để dẫn dắt vào bài  **2. Hoạt động luyện tập**  **a) Nhận xét hành vi**  ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho HS quan sát và nêu nội dung các bức tranh.  Tranh 1: Sau khi đi học về, Lan vứt cặp sách xuống sàn nhà và ngồi chơi lắp ghép. Mẹ Lan hỏi: Giờ này con vẫn chưa tắm à?  Tranh 2: Tiến đang chơi bi cùng các bạn thì đến giờ về nhà. Các bạn rủ Tiến ngồi chơi thêm, nhưng Tiến trả lời: Không, đến giờ tớ phải về rồi!  Tranh 3: Sáng mai, Trung cùng các bạn đi tham quan buổi sáng. Trung nhờ mẹ đặt giờ báo thức giúp.  - GV nêu câu hỏi:  + Bạn trong tranh đang làm gì? Em có tán thành việc làm đó hay không? Vì sao?  - HS trình bày kết quả  **GV kết luận:**  Tranh 1: Lan mải chơi, chưa tắm. Em không tán thành việc làm đó vì chưa đúng giờ.  Tranh 2: Tiến nhớ đến giờ phải về nhà. Em tán thành việc làm đúng giờ.  Tranh 3: Trung nhờ mẹ hướng dẫn cách đặt chuông để làm việc đúng giờ. Đó là việc nên làm.  \*Em tán thành các việc học tập, sinh hoạt đúng giờ và không tán thành các việc học tập, sinh hoạt không đúng giờ của người xung quanh.  **b) Tự liên hệ**  ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho HS chia sẻ theo gợi ý sau:  + Bạn đã thực hiện được những việc làm nào đúng giờ?  + Những việc làm nào bạn chưa đúng giờ?  - Một số HS trình bày .  - GV khen những HS đã luôn đúng giờ trong học tập, sinh hoạt và nhắc nhở cả lợp luôn thực hiện đúng giờ trong học tập, sinh hoạt.  **3. Hoạt động vận dụng**  ***Vận dụng trong giờ học:*** HS làm phiếu nhắc việc.  ***Vận dụng sau giờ học:*** HS thực hiện học tập, sinh hoạt đúng giờ.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Em rút ra được điều gì sau bài học này?  -GV yêu cầu HS đọc lời khuyên trong SGK *Đạo đức 1,* trang 18.  - GV đánh giá sự tham gia học tập của HS trong giờ học, tuyên dương những HS học tập tích cực và hiệu quả. | - HS trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS trả lời câu hỏi  - HS trình bày  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - 1 số HS trình bày  - HS thực hiện  - HS trả lời câu hỏi  - HS đọc  - HS lắng nghe |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh...............................................................................

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**==================================**

**Thời gian thực hiện:Chiều Thứ Tư ngày 19/10/2022**

**Thời gian thực hiện:** 20/10/2021

**Tiếng việt:** **am - ap (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **am, ap;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **am,** vần **ap.**

- Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Ve và gà* (1).

- Viết đúng trên bảng con các vần: **am, ap,** các tiếng (quả) **cam,** (xe) **đạp.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / giấy khổ to viết bài đọc.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1**  **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  2 HS đọc bài Tập đọc *Chia qụà* (bài 35); 1 HS nói những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, những chữ hoa ghi tên riêng.  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1:** **Giới thiệu bài**  **-** Các em đã học hết các chữ ghi âm tiếng Việt. Từ bài hôm nay, các em sẽ học các vần tiếng Việt. Hai vần đầu tiên các em sẽ học là vần **am,** vần **ap.**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá (BT** 1, 2) (dạy kĩ, chắc chắn)  a) Dạy vần **am**  \* Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **a, m** (đã học). 1 HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am.**  \* Khám phá: GV giới thiệu hình ảnh quả cam, hỏi: Đây là quả gì?  - Trong từ *quả cam,* tiếng nào có vần **am?** (Tiếng **cam).**    + GV giới thiệu mô hình vần **am.**  + GV giới thiệu mô hình tiếng **cam.**  b) Dạy vần **ap** (tương tự cách dạy vần **am)**  - GV giới thiệu hình ảnh xe đạp, hỏi: Đây là cái gì? (Cái xe đạp).  - Trong từ *xe đạp,* tiếng nào có vần **ap?** (Tiếng **đạp).**  - So sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  \* Củng cố: Các em vừa học 2 vần mới là vần gì? (Vần **am,** vần **ap).**  **-** Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? (Tiếng **cam,** tiếng **đạp).** GV chỉ mô hình từng vần, tiếng.  - Cho HS cài vào bảng cài vần am, ap, tiếng cam, tiếng đạp.  **3. Hoạt động luyện tập.**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ :**(BT 3: Tiếng nào có vần **am?** Tiếng nào có vần **ap?)**  a) Xác định YC: GV đưa lên bảng 6 hình minh hoạ; nêu YC của BT.  b) Đọc tên sự vật:  - GV chỉ từng từ theo số TT.  - Giải nghĩa từ: *Tháp Rùa* (tháp nằm giữa Hồ Gươm); *quả trám* (loại quả dùng làm thức ăn, rất bùi và ngon); *sáp nẻ* (sáp dùng để bôi lên da mặt, lên môi nhằm chống nứt nẻ).  c) Tìm tiếng có vần **am,** vần **ap:** HS làm bài trong VBT, tìm nhanh tiếng có vần **am,** vần **ap.** GV gọi HS báo cáo kết quả.  d) Báo cáo kết quả  - Gọi 2 HS nói kết quả: 1HS nói tiếng có vần am. 1HS nói tiếng có vần **ap.**  - GV chỉ từng từ, HS nói: Tiếng **khám** có vần **am.** Tiếng **tháp** (Rùa) có vần **ap...**  **\* Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 5).  a) HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần **am:** viết **a** trước, **m** sau; chú ý nối nét giữa **a** và **m.**  - Vần **ap:** viết **a** trước, **p** sau; chú ý nối nét giữa **a** và **p.**  **- quả cam:** viết tiếng **quả** trước, tiếng **cam** sau. Trong tiếng **cam:** viết **c** trước, **am** sau. (Có thể chỉ yêu cầu HS viết tiếng **cam).**  **- xe đạp:** viết **xe** trước **(x** nối sang **e), đạp** sau (viết **đ** gần vần **ap,** dấu nặng đặt dưới **a).**  c) HS viết trên bảng con: **am, ap** (2 lần). / Viết: (quả) **cam,** (xe) **đạp.**  - GV cùng HS nhận xét  **TIẾT 2**  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 4)  a) GV gắn lên bảng hình minh hoạ bài *Ve và gà* (1);  - Giới thiệu: Đây là phần 1 của truyện *Ve và gà.* Khi đọc tên bài *Ve và gà,* các em không cần đọc số (1). Truyện có hai nhân vật là ve sầu và gà mái. Ve sầu là loài côn trùng đầu to, hai cánh trong, có khả năng tạo âm thanh rỉ rả, inh ỏi suốt mùa hè. Các em hãy lắng nghe để biết chuyện gì đã xảy ra giữa ve và gà.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân): **mùa hè, ham múa ca, đạp đạp, giũ giũ lúa, thỏ thẻ, làm, thú vị, đáp, lũ nhỏ.** (Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn).  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu, HS đếm: 5 câu).  - Đọc vỡ: GV chỉ từng câu cho.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân). GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS; nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  đ) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 3 câu) (cá nhân).  e) Thi đọc theo vai  - (Làm mẫu) GV (vai người dẫn chuyện) cùng 2 HS (vai ve, gà) đọc mẫu.  - Từng tốp (3 HS) cùng luyện đọc theo vai trước khi thi.  - Vài tốp thi đọc. GV khen HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.  g) Tìm hiểu bài đọc *(Thay hình ảnh bằng từ ngừ thích hợp...)*  - GV nêu YC; hỏi:  - Hình ảnh trong câu a là gì? (Con ve).  - Hình ảnh trong câu b là gì?  - GV chỉ hình và chữ trong ý a.  - Làm tương tự với ý b.  - Yêu cầu HS nói hoàn chỉnh 2 câu văn  - GV: Qua cuộc nói chuyện giữa ve và gà mẹ, em nghĩ gì về ve? (Ve chê bai, coi thường gà mẹ, cho là làm thì chả có gì thú vị, phải múa ca như ve mới là hay).  \* Cả lớp đọc lại 2 trang nội dung bài 36.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe phần 1 của bài đọc kể về ve và gà; xem trước bài 37 (ăm, ăp). | - Ổn định - hát  - Hs đọc bài, trả lời câu hỏi  - Hs nhắc lại đề bài  - HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am.**  - Quả cam  **-** Tiếng **cam**  **-** Phân tích: tiếng **cam** có âm **c** đứng trước, vần **am** đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn tiếng cam.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **a - mờ - am / am.**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): cờ - am - cam / cam.  - HS nhận biết **a, p;** đọc: **a - pờ - ap.**  - Cái xe đạp.  - Tiếng **đạp**  - Phân tích: vần **ap** gồm có 2 âm: âm **a** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: **a - pờ - ap / ap;** đờ - ap - đap - nặng - đạp / đạp.  - Hs so sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  - Vần **am,** vần **ap**  **-** Tiếng **cam,** tiếng **đạp.**  **-** Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS cài bảng cài  - Hs thực hiện.  - Cả lớp đọc tên từng sự vật, hành động: *khảm, Tháp Rùa, quả trám,...*  *-* Hs thực hiện,  - 2 HS báo cáo kết quả.  *-* Hs thực hiện  - Hs đọc bài  - Hs theo dõi, quan sát.  - Hs viết bảng con  - Hs lắng nghe.  - Hs luyện đọc  - HS đếm: 5 câu  - 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Hs thực hiện đọc nối tiếp.  - HS thi đọc  -Tham gia bình chọn bạn đọc đúng, đọc hay  - HS đọc theo vai  - Nhận xét  - Con ve  - Lũ gà nhỏ / Lũ gà bé / Lũ gà con lông vàng.  -1 HS đọc.  - 1 HS nói hoàn chỉnh 2 câu văn. Cả lớp nhắc lại  - HS nói: a) ***Ve*** chỉ ham múa ca. b) Chị gà làm để có lúa cho ***lũ nhỏ/lũ trẻ/ lũ gà bé / lũ gà con lông vàng.***  - Hs đọc |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Chiều Thứ Tư ngày 19/10/2022**

Toán: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)(tiết 1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật:** **- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6**.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  \* Ôn luyện  - GV gọi 2 HS nêu kết quả phép tính  1 + 3 = ? 2 + 4 = ?  - GV nhận xét  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  - Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  \* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  - *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.  - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  - GV tổng kết: Có thể nói:  +Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.  +Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.  +Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.  +Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.  +Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.  - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 + 1; 1 + 4; 5 + 1; 1 + 5; ...  - Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi đế HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chồ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đôi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ...  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Gv nhận xét tiết học | - 2HS nêu  - HS chia sẻ  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).  - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. | **\* Dạy HS khuyết tật:** **- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6**. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Chiều Thứ Tư ngày 21/10/2022**

**TNXH**:  **TRƯỜNG HỌC CỦA EM (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên, địa chỉ của trường mình.

- Xác định được vị trí các khu vực, các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở trường học.

- Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ.

- Kể được tên các hoạt động chính ở trường học: nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.

- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về trường học , các thành viên và hoạt động trường học.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về trường học, hoạt động ở trường học.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học.

- Lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn khi ở trường. Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, GV và các thành viên khác trong nhà trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các hình trong SGK.

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

- Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của trường học.

- Một số tình huống để HS thể hiện được tình cảm và cách ứng xử với thành viên trong nhà trường tốt nhất tình huống được thể hiện bằng kênh chữ và kênh hình.

- Giấy, bút màu, bản cam kết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

**Các khu vực và các phòng trong trường học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định  + Hãy nói tên trường và địa chỉ trường của em.  + Em thích nhất điều gì ở trường ?  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  **\* Hoạt động 2: Khám phá kiến thức mới**  **\* Tìm hiểu trường học của bạn Hà**  *\* Cách tiến hành:*  Bước 1 : Làm việc cá nhân  - HS quan sát các hình ở trang 34, 35 trong SGK để trả lời các câu hỏi:  + Trường học của bạn Hà có những khu vực nào, phòng học nào?  + Chúng ở đâu ?  Bước 2 : Làm việc cả lớp  **-** GV yêu cầu HS trình bày kết quả    - GV cùng HS nhận xét, bổ sung câu trả lời  \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời.  **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng**  **\* Giới thiệu về trường học của mình**  *\* Cách tiến hành*  *Bước 1 : Làm việc cả lớp*  - GV cho HS xem về những hình ảnh về trường: các khu vực trước sân trường, vườn trường, khu vệ sinh ,...), sau đó lần lượt đến các phòng, đồ dùng mỗi phòng.  *Bước 2: Làm việc cá nhân*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Trường em có những khu vực và phòng nào?  + Kể tên một số đồ dùng có ở trường em.  - HS có thể làm câu 1, 2 của Bài 5 (VBT)  *Bước 3 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung. GV bình luận, hoàn thiện phần trình bày các bạn  - GV hỏi: Các em làm gì để giữ gìn đồ dùng có ở trường ?  - GV cùng HS bổ sung, hoàn thiện câu trả lời.  - GV kết hợp với HS nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Gv nhận xét tiết học  - Dặn HS chuẩn bị tiết học sau | - Hát  - HS trả lời  ­- Lắng nghe  - HS quan sát  - HS tìm hiểu và làm việc cá nhân  - HS trình bày kết quả  - Trường học của bạn Hà có sân trường, vườn trường, khu vệ sinh và nhiều phòng: phòng học, phòng ban giám hiệu, phòng hội đồng, phòng truyền thống, phòng y tế ở tầng 1, ...  - HS quan sát tranh  **-** HS trả lời câu hỏi:  **-** HS làm vào vở Bài tập  - HS trình bày kết quả trước lớp .  **- HS trả lời:** Với bàn ghế – lau chùi, không viết, vẽ bẩn, không đứng lên; với đồ điện như quạt thì phải bật, tắt đúng cách; với vòi nước, khi không sử dụng thì khoá vòi; ... |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

Toán: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)(tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật:** **- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  \* Ôn luyện  - GV gọi 2HS nêu kết quả phép tính  1 + 4 = ? 5 + 1 = ?  - GV nhận xét  2. Hoạt động cơ bản  \* Giới thiệu bài  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 2.** HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.  **Bài 3.** Phân tích mẫu rồi vận dụng để tìm kết quả các phép tính cho trong bài.  **Bài 4. –** ChoHS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  a)Bên trái *có* 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong?  - Ta có phép cộng 3 + 3 = 6. Vậy có tất cả 6 con ong.  b)Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. *Có thêm 2* bạn đi đến. *Có tất cá* bao nhiêu bạn? - Ta có phép cộng 3 + 2 = 5. Vậy có tất cả 5 bạn.  **4. Hoạt động vận dụng**  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Bài học hôm nay, em biết them điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - GV nhận xét tiết học | - Ổn định - hát  - 2HS nêu  - Chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát  **-** HS quan sát tranh, chia sẻ trước lớp.  - HS nêu  - HS trả lời | **\* Dạy HS khuyết tật:** **- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thời gian thực hiện:Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

**Tiếng việt: ăm - ăp** **(2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **ăm, ăp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăm, ăp.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăm,** vần **ăp.**

- Đọc đúng, hiểu bài *Ve và gà* (2).

- Viết đúng các vần **ăm, ăp** và các tiếng **chăm** (chỉ), **cặp** (da) (trên bảng con).

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** 3 thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu trước lớp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1**  **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - 1 HS đọc bài *Ve và gà* (1) (bài 36). 1 HS trả lời câu hỏi: Qua cuộc nói chuyện giữa ve và gà mẹ, em nghĩ gì về ve?  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1:** **Giới thiệu bài**  **-** vần **ăm,** vần **ăp**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  a) Dạy vần **ăm**  - GV chỉ vần **ăm** (từng chữ **ă, m).**  - Cho HS nhìn tranh, hỏi: Em bé đang làm gì?  - Em bé thế nào?  - Trong từ *chăm chỉ,* tiếng nào có vần **ăm?**  **-** Phân tích vần **ăm**  - HS đọc  - GV giới thiệu mô hình tiếng **chăm.** HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: **chờ - ăm - chăm.**  - GV chỉ lại mô hình vần **ăm,** mô hình tiếng **chăm,** từ **khoá**  **b)** Dạy vần **ăp** (như vần **ăm)**  - HS nhận biết **ă, p;** đọc: **ă - pờ - ăp.**  - Quan sát tranh, nêu từ ngữ: *cặp da / cặp.*  - YC HS đọc  \* Củng cố: Vừa rồi đã học 2 vần mới , 2 tieng mới nào? .  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **ăm,** tiếng có vần **ăp)**  - Xác định YC: GV chỉ từng chữ dưới hình.  - Giải nghĩa: *tằm* (loài sâu ăn lá dâu, lá sắn, nuôi để lấy tơ dệt vải).  - Từng cặp HS tìm tiếng có vần **ăm,** vần **ăp** trong VBT. / 2 HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm, cả lớp: Tiếng **thắp** có vần **ăp...** Tiếng **tằm** có vần **ăm...**  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ăm** (băm, mắm, nắm, sắm,...); có vần **ăp** (cắp, đắp, lắp, nắp, sắp,...).  **\* Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần **ăm: ă** và **m** đều cao 2 li.  - Vần **ăp: ă** cao 2 li, **p** cao 4 li.  **- chăm:** viết **ch** rồi đến vần **ăm.**  **- cặp:** viết **c** rồi đến vần **ăp,** dấu nặng đặt dưới **ă.**  c) HS viết: **ăm, ăp** (2 lần). Sau đó viết: **chăm** (chỉ), **cặp** (da).  - GV cùng HS nhận xét  **TIẾT 2**  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3)  a) GV chỉ hình minh hoạ bài *Ve và gà* (2): Gà cho ve đồ ăn. Các em hãy lắng nghe để biết câu chuyện kết thúc thế nào.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **mùa thu, cỏ lá, chả có gì, gặp, ngỏ ý, thủ thỉ, chăm múa, chăm làm, chả lo gì.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 7 câu. (GV đánh số TT từng câu).  - GV chỉ từng câu cho HS đọc  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu cuối *(Ve chăm múa và chăm làm nữa/thì sẽ chả lo gì).*  đ) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 2 câu); thi đọc cả bài (theo cặp, tổ).  e) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC của BT, chỉ từng vế câu trên bảng cho cả lớp đọc.  - 1 HS nói kết quả: Ý đúng: a) Vừa chăm múa vừa chăm làm - 1) thì chả lo gì.  Ý sai: a) Vừa chăm múa vừa chăm làm - 2) thì chả có gì. Cả lớp nhắc lại ý đúng.  - GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? (Ve lười biếng, chỉ thích chơi nên có lúc chả có gì ăn. / Gà chăm chỉ làm nên nuôi được đàn con, còn giúp được ve).  - GV: Câu chuyện là lời khuyên: Phải chăm chỉ lao động. Vừa biết vui chơi vừa chăm chỉ lao động thì cuộc sống sẽ tốt đẹp, không phải lo lắng gì.  \* Cả lớp đọc lại 2 trang bài 37; đọc 6 chữ, vần vừa học trong tuần, chân trang 68.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em đã hiểu sau khi học bài Ve và gà, xem trước bài 39 (Ôn tập). | - Ổn định - hát  - 1Hs đọc bài  - 1HS trả lời  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc: **ă - mờ - ăm.** Cả lớp: **ăm.**  - Em bé quét nhà  - Em bé rất chăm chỉ  - Tiếng **chăm**  - Vần **ăm** gồm có âm **ă** đúng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ă - mờ - ăm / ăm.**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: **chờ - ăm - chăm.**  **-** Cả lớp đánh vần, đọc trơn: **ă - mờ - ăm / chờ - ăm - chăm** / **chăm chỉ.**  - HS đọc: **ă - pờ - ăp.**  - Phân tích vần **ăp. /** Đánh vần: **ă - pờ - ăp / ăp.**  - Phân tích tiếng **cặp: c - ăp -** dấu nặng đặt dưới âm **ă.**  - Đánh vần: cờ - ăp - căp - nặng - cặp.  - Đánh vần, đọc trơn lại: ă - pờ - ăp / cờ - ăp - căp - nặng - cặp / cặp da.  - 2 vần mới **ăm, ăp;** 2 tiếng mới: **chăm, cặp.**  - Hs đọc  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: *thắp, bắp ngô, tằm,..*  - Hs báo cáo  - Hs đọc  - Hs nói  - HS đọc  - Hs chú ý,quan sát  - Hs thực hiện viết bảng con  - Hs quan sát  - HS lắng nghe  - Hs luyện đọc  - 1 HS đọc nối tiếp câu  - Hs thi đọc  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.  - Hs đọc  - HS nói  - Ve lười biếng, chỉ thích chơi nên có lúc chả có gì ăn. / Gà chăm chỉ làm nên nuôi được đàn con, còn giúp được ve.  - Hs đọc bài |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

**KỂ CHUYỆN** **Chú thỏ thông minh** (1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thỏ con thông minh đã lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu. Chú thỏ thông minh

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu hoặc 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  **\* Ôn luyện**  - GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh hoạ truyện *Dê con nghe lời mẹ* (bài 32), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5 và nói lời khuyên của câu chuyện.  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Hoạt động 1:** **Giới thiệu bài**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)  **a) Quan sát và phỏng đoán:**  **-** GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ, giới thiệu: Đây là các tranh minh hoạ truyện *Chú thỏ thông minh.* Các em hãy xem tranh để biết câu chuyện có những nhân vật nào. Các từ *Hu! Hu!, Ha! Ha!* (là tiếng kêu của cá sấu) có nghĩa gì?  - GV: Câu chuyện có 2 nhân vật là thỏ và cá sấu. Cá sấu đớp thỏ. Khi cá sấu kêu *Hu! Hu!* thì miệng nó khép lại gần kín. Còn khi nó kêu *Ha! Ha!* thì miệng nó mở to ra, thỏ nhảy khỏi miệng cá sấu.  **b) Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện kể về một chú thỏ con bị cá sấu đớp. Thế mà thỏ vẫn thoát khỏi miệng cá sấu. Làm thế nào cho cá sấu mở miệng? Thỏ đã nghĩ ra cách gì để lừa cá sấu mở miệng?  **3. Hoạt động khám phá và luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Nghe kể chuyện:**  **-** GV kể chuyện 3 lầnvới giọng diễn cảm  **\* Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi theo tranh**  - Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi:  *+ Thỏ con đến bờ sông làm gì?*  *+ Nó thấy cả sấu khi nào?*  - GV chỉ tranh 2, hỏi:  *+ Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu mà vẫn đi xuống mép nước?*  *+ Cá sấu bất ngờ làm gì?*  - GV chỉ tranh 3, hỏi:  *+ Trước khi nuốt mồi, cả sấu làm gì để doạ thỏ?*  - GV chỉ tranh 4:  *+ Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để thoát thân?*  - GV chỉ tranh 5:  *+ Nghe lời thỏ, cá sấu đã làm gì?*  - GV chỉ tranh 6:  *+ Khi cá sấu kêu, thỏ con làm gì?*    - Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  - 1 HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 tranh.  **\* Hoạt động 3: Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi)  - Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  - HS kể chuyện theo tranh bất kì  **\* Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Vì sao thỏ thoát nạn?  - GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  - **GV kết luận**: Câu chuyện cho các em thấy thỏ con nhỏ bé mà thông minh, lừa được con cá sấu to xác mà ngu ngốc nên đã thoát khỏi miệng cá sấu. Câu chuyện khuyên các em: Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình.  - Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV khen ngợi những HS kể chuyện hay, hiểu câu chuyện. Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe chuyện về chú thỏ thông minh.  - Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện Ba chú lợn con tuần tới. | - Ổn định - hát  - Hs trả lời câu hỏi  - Hs chú ý theo dõi và lắng nghe  - Quan sát  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - Lắng nghe  - Thỏ con đến bờ sông ăn cỏ.  - Nó nhìn thấy cá sấu khi xuống sông uống nước.  - Thỏ tưởng cá sấu đang ngủ nên rón rén đi xuống mép nước.  - Cá sấu bất ngờ vọt tới, đớp thỏ.  - Trước khi nuốt mồi, cá sấu tru mõm kêu *Hu! Hu!* để doạ thỏ cho vui.  - Thỏ bảo cá sấu: - Anh kêu *Hu! Hu!* thì chẳng có gì đáng sợ, anh phải kêu *Ha! Ha!* thì may ra mới doạ được tôi”.  - Con cá sấu ngu ngốc lập tức há to miệng, kêu lớn: *Ha! Ha!.*  - Chỉ đợi cá sấu kêu *Ha! Ha!,* thỏ lập tức nhảy phốc khỏi mồm cá sấu, chạy biến vào rừng.  - Hs trả lời  - Hs tự kể chuyện theo tranh.  -1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  - Vì thỏ thông minh, nghĩ ra cách lừa được cá sấu há rộng miệng. / Vì cá sấu ngu ngốc đã mắc mưu thỏ. /...  - Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình  - Cả lớp thực hiện |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thời gian thực hiện: Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

**HĐTN: TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

– Hình thành một số thói quen tự phục vụ, chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi như: tự vệ sinh cá nhân, tự phục vụ bản thân, chăm sóc cơ thể.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Tranh ảnh minh hoạ cho bài học.

**III. Các hoạt dộng dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định:  **2. Hoạt động cơ bản.**  **\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu những việc cần làm để chăm sóc bản thân.  **\* Hoạt động 2: Liên hệ và chia sẻ**  *\* Cách tiến hành :*  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  + Hằng ngày, bạn đã làm gì để chăm sóc bản thân?  + Bạn làm những việc đó vào lúc nào?  + Bạn cảm thấy như thế nào khi tự mình làm những công việc đó?  - Y/C HS trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét.  \*GV kết luận:  **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.**  **\* Thực hành chăm sóc bản thân**  *\* Cách tiến hành:*  *Bước 1. Hoạt động chung cả lớp:*  - GV nêu yêu cầu:  + Quan sát lại trang phục của em.  + Chỉnh sửa lại đầu tóc, trang phục (quần áo, giày dép) gọn gàng.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  *Bước 2. Hoạt động cá nhân:*  - Từng cá nhân HS thực hành chỉnh sửa *quần áo, giày dép,* đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ.  *Bước 3. Chia sẻ trước lớp:*  - GV mời số bạn chia sẻ về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - GV và HS cùng hỏi đáp về những lưu ý khi chuẩn bị trang phục và vệ sinh cá nhân.  \* Kết luận:  - Các em cần lựa chọn, chuẩn bị trang phục gọn gàng, sạch sẽ và phù hợp với thời tiết. Tự chăm sóc bản thân giúp em tự tin và chủ động hơn.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những việc cần làm để chăm sóc bản thân. | - Hát  - Lắng nghe  - HS trả lời câu hỏi.  + HS đưa ra các việc làm thể hiện sự chăm sóc bản thân: đánh răng, rửa mặt, ăn uống, ngủ nghỉ,….  + HS đưa ra khung thời gian thực hiện việc chăm sóc bản thân của mình.  + HS nêu cảm xúc của mình.  - 2 đến 3 HS trình bày trước lớp.  - HS nhận xét bạn.  - Theo dõi, lắng nghe.    - HS thực hiện các Y/C của GV:  - HS thực hành  - Lần lượt HS lên chia sẻ về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - HS theo dõi  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Lắng nghe |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**: Không có điều chỉnh..............................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Chiều Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

**TẬP VIẾT** **am, ap, ăm, ăp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Viết đúng **am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu của bài học.  **3. Hoạt động luyện tập**  a) HS đánh vần, đọc trơn: *am, quả cam, ap, xe đạp; ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da.*  b) Tập viết: *am, quả cam, ap, xe đạp.*  - GV vừa viết mẫu từng vần, từ ngữ, vừa hướng dẫn quy trình viết. Chú ý độ cao  các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh trong các tiếng *quả, đạp.*  - HS viết các vần, từ ngữ trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  c) Tập viết: *ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da* (như mục b).  - HS viết các vần, từ ngữ; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** GV nhận xét tiết học  - Nhắc những HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết | - Hs đọc bài  - 1 HS đọc các vần, từ ngữ; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - Hs chú ý quan sát.  - Hs viết bài  - Hs thực hiện  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Chiều Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

**Tiếng việt: ÔN TẬP (1 tiêt)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Cô bé chăm chi.*

- Tìm đúng các tiếng trong bài có vần **am, ap, ăm, ăp.**

- Tập chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ vừa).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  **2. Hoạt động cơ bản**  **\* Giới thiệu bài**  **-** GV nêu mục tiêu của bài học.  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Tập đọc (BT 1****)**  a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài *Cô bé chăm chỉ.*  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **chăm chỉ, khắp nhà, ê a, đi xe đạp, khám, thú vị lắm.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 6 câu. / GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ.  đ) Đọc tiếp nối từng câu.  e) Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài (quy trình như các bài trước).  g) Tìm hiểu bài đọc:  - GV: Bé Chi chăm chỉ thế nào?  **\* Hoạt động 2: Tìm trong bài đọc 1 tiếng có vần *am,* vần *ap,* vần *ăm,* vần *ăp*** (BT 2)  - GV nêu YC. / HS gạch chân tiếng có vần cần tìm trong VBT.  - HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả: Tiếng có vần **am: khám.** Tiếng có vần **ap: đạp.** Tiếng có vần **ăm: chăm, lắm.** Tiếng có vần **ăp: khắp.**  **\* Hoạt động 3: Tập chép** (BT 3)  - HS đọc trên bảng câu văn cần tập chép.  - Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ các em dễ viết sai.  - HS nhìn mẫu, viết vào vở / VBT câu văn với chữ cỡ vừa.  - HS viết xong, soát lại bài  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài 40 (âm, âp) | - Ổn định - hát  - Hs nhắc đề  - Hs lắng nghe  - Hs luyện đọc.  - Cá nhân / từng cặp.  - HS đọc nối tiếp câu  - HS thi đọc  - Bé đi khắp nhà, khi thì mở vở của chị đọc ê a; khi thì đi xe đạp; khi thì khám bệnh cho chó Lu.  - Hs thực hiện  - Hs báo cáo kết quả  - Hs thực hiện  - Hs viết vào vở  - HS soát bài  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện:Chiều Thứ Sáu ngày 21/10/2022**

**SHL + HĐTN: CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN NỀN NẾP SINH HOẠT**

**I. Yêu cầu cẩn đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nền nếp sinh hoạt

- Bước đầu tự giác thực hiện nền nếp sinh hoạt.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định - Hát  **2. Các bước sinh hoạt**  **a) Nhận xét trong tuần 7**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  - GV nhận xét qua 1 tuần học  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  **b) Phương hướng tuần 8**  - Thực hiện dạy tuần 8, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  **c) Thực hiện nề nếp sinh hoạt.**  - GV cho lớp chia sẻ theo nhóm nhỏ với nội dung:  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày lớp, ở trường?  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày nhà?  + Nêu cảm xúc của mình sau khi thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở lớp, ở trường và ở nhà.  - GV đánh giá chung kết quả thực hiện nền nếp sinh hoạt của HS.  - GV nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt ở nhà và trường.  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** GV nhận xét tiết học | - Hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe  - HS làm việc nhóm 4. Chia sẻ với nhau về các nội dung GV đưa ra:  + Ở nhà: Sáng ngủ dậy đánh răng, rửa mặt, ăn sáng, đi học….  + Ở trường: Xếp hàng, học bài, làm bài, vui chơi,…  + HS nêu những việc đã thực hiện : Ăn ngủ, vui chơi đúng giờ,…  + HS nêu cảm xúc của mình  - Lắng nghe.  - Theo dõi |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh.............................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*